

DANH SÁCH SINH VIÊN CTĐT CLC THEO THÔNG TƯ 23
NỘP HỌC PHÍ NIÊN CHẾ TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHCN, ngày tháng năm 2025,
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Định mức: 3.500.000đ/tháng

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
1	20021198	Nguyễn Đức Trung	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
2	21020042	Tạ Quang Chiến	Khoa học máy tính	5	17.500.000
3	21020043	Nguyễn Việt Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
4	21020044	Trần Hữu Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
5	21020045	Đặng Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
6	21020046	Ngô Đức Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
7	21020047	Nguyễn Xuân Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
8	21020049	Đinh Thị Trà My	Khoa học máy tính	5	17.500.000
9	21020050	Bùi Minh Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
10	21020103	Hoàng Đức Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
11	21020104	Khương Vũ Trâm Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
12	21020106	Vũ Quý Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
13	21020109	Nguyễn Tuấn Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
14	21020110	Nguyễn Hải Nam	Khoa học máy tính	5	17.500.000
15	21020111	Đoàn Văn Nguyên	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
16	21020112	Nguyễn Thanh Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
17	21020113	Phạm Ngọc Thạch	Khoa học máy tính	5	17.500.000
18	21020155	Nguyễn Tuấn Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
19	21020156	Nguyễn Bình Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
20	21020157	Lê Đăng Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
21	21020159	Phan Quốc An	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
22	21020160	Đỗ Quang Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
23	21020162	Hoàng Việt Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
24	21020163	Lê Nam Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
25	21020164	Ngô Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
26	21020165	Nguyễn Hà Hoàng Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
27	21020166	Nguyễn Thạch Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
28	21020167	Trần Thị Vân Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
29	21020168	Vũ Việt Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
30	21020169	Nguyễn Hoàng Bách	Khoa học máy tính	5	17.500.000
31	21020170	Trần Ngọc Bách	Khoa học máy tính	5	17.500.000
32	21020171	Lê Văn Bảo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
33	21020172	Lê Huy Bình	Khoa học máy tính	5	17.500.000
34	21020173	Nguyễn Viết Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
35	21020174	Lê Ngọc Minh Châu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
36	21020175	Nguyễn Duy Chiến	Khoa học máy tính	5	17.500.000
37	21020178	Nguyễn Anh Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
38	21020179	Phạm Vũ Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
39	21020180	Đinh Thái Dương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
40	21020181	Nguyễn Đức Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
41	21020182	Nguyễn Hoàng Tùng Dương	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
42	21020183	Nguyễn Tiến Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
43	21020184	Trần Huy Đạt	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
44	21020185	Đặng Hải Đăng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
45	21020187	Phạm Anh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
46	21020189	Hoàng Thị Thu Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
47	21020190	Mai Thanh Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
48	21020191	Bùi Đức Hải	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
49	21020192	Đỗ Lý Minh Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
50	21020193	Nguyễn Công Minh Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
51	21020194	Vũ Quang Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
52	21020195	Vũ Trường Hải	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
53	21020196	Lương Nhật Hào	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
54	21020197	Đinh Xuân Hiền	Khoa học máy tính	5	17.500.000
55	21020198	Vũ Minh Hiền	Khoa học máy tính	5	17.500.000
56	21020199	Trịnh Đức Hiệp	Khoa học máy tính	5	17.500.000
57	21020200	Phí Minh Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
58	21020201	Trần Phương Hoa	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
59	21020202	Phạm Việt Hồng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
60	21020203	Bùi Tấn Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
61	21020204	Nguyễn Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
62	21020205	Nguyễn Tuấn Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
63	21020206	Vũ Hoàng Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
64	21020207	Đoàn Đức Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
65	21020210	Hồ Xuân Khoa	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
66	21020211	Trịnh Minh Khôi	Khoa học máy tính	5	17.500.000
67	21020212	Nguyễn Tùng Lâm	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
68	21020214	Trần Phương Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
69	21020215	Vũ Đức Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
70	21020216	Nguyễn Tuấn Lộc	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
71	21020217	Nguyễn Khánh Ly	Khoa học máy tính	5	17.500.000
72	21020218	Chung Hoàng Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
73	21020219	Dương Quang Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
74	21020220	Đoàn Ngọc Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
75	21020222	Nguyễn Đức Nam	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
76	21020223	Nguyễn Hải Nam	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
77	21020224	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
78	21020225	Đinh Văn Khôi Nguyên	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
79	21020226	Lại Vũ Thu Nguyệt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
80	21020229	Hoàng Thái Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
81	21020230	Nguyễn Minh Quang	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
82	21020231	Đoàn Minh Quân	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
83	21020232	Hoàng Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
84	21020233	Hoàng Minh Quân	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
85	21020234	Trần Ngọc Anh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
86	21020235	Nguyễn Bá Quyết	Khoa học máy tính	5	17.500.000
87	21020236	Lê Danh Sơn	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
88	21020237	Nguyễn Ngọc Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
89	21020238	Hoàng Trọng Tùng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
90	21020239	Phạm Văn Thạch	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
91	21020240	Đỗ Minh Thái	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
92	21020241	Nguyễn Cao Thanh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
93	21020242	Lý Công Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
94	21020243	Nguyễn Hữu Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
95	21020244	Trần Hữu Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
96	21020245	Lại Đức Thắng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
97	21020246	Trần Chiến Thắng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
98	21020247	Nguyễn Văn Thuyên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
99	21020248	Phạm Thu Trang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
100	21020249	Tổng Minh Trí	Khoa học máy tính	5	17.500.000
101	21020250	Nguyễn Văn Trường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
102	21020251	Trần Hoàng Vũ	Khoa học máy tính	5	17.500.000
103	21020252	Đặng Tuấn Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
104	21020253	Bùi Khương Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
105	21020254	Nguyễn Trung Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
106	21020256	Đỗ Trung Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
107	21020257	Vũ Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
108	21020258	Nguyễn Hoàng Trung	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
109	21020266	Đặng Thái Hà	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
110	21020267	Nguyễn Nam Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
111	21020270	Nguyễn Tuấn Tài	Khoa học máy tính	5	17.500.000
112	21020460	Vũ Bảo Châu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
113	21020461	Đặng Sỹ Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
114	21020462	Phùng Thành Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
115	21020463	Trần Thị Trà Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
116	21020464	Phạm Minh Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
117	21020465	Phạm Việt Hoàng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
118	21020466	Đặng Vũ Quỳnh Hương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
119	21020467	Nguyễn Thị Thúy Hương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
120	21020468	Nguyễn Hồng Linh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
121	21020469	Nguyễn Đức Lộc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
122	21020470	Phạm Lê Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
123	21020471	Trần Quang Minh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
124	21020472	Đào Xuân Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
125	21020473	Phạm Tuấn Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
126	21020474	Phùng Viêt Phú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
127	21020475	Lê Ngọc Nhật Tân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
128	21020476	Lưu Văn Đức Thiệu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
129	21020477	Đào Thị Kim Thịnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
130	21020478	Lã Thị Thanh Thúy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
131	21020510	Nguyễn Mai Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
132	21020511	Trần Nam Dân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
133	21020512	Mai Ngọc Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
134	21020513	Phạm Quý Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
135	21020514	Nguyễn Mạnh Đức	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
136	21020515	Nguyễn Thảo Hiền	Khoa học máy tính	5	17.500.000
137	21020517	Nghiêm Minh Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
138	21020518	Hoàng Mạnh Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
139	21020519	Bùi Đức Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
140	21020520	Nguyễn Tuấn Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
141	21020521	Nguyễn Việt Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
142	21020522	Hoàng Hùng Mạnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
143	21020524	Vũ Nhật Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
144	21020525	Bùi Trần Hải Nam	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
145	21020526	Nguyễn Bình Nguyên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
146	21020528	Phạm Đàm Quân	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
147	21020529	Trần Trọng Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
148	21020530	Nguyễn Hoàng Thọ	Khoa học máy tính	5	17.500.000
149	21020532	Nguyễn Minh Quang Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
150	21020560	Lê Quý Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
151	21020576	Bùi Hữu An	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
152	21020578	Nguyễn Tuấn Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
153	21020579	Bùi Quang Việt Bách	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
154	21020580	Nguyễn Quang Cường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
155	21020581	Phan Tiến Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
156	21020583	Kiều Bá Đăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
157	21020584	Lương Trường Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
158	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
159	21020586	Lê Vũ Hiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
160	21020587	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
161	21020588	Lê Hoàng Lâm	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
162	21020589	Đào Đức Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
163	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
164	21020591	Đào Tiến Phú	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
165	21020592	Nguyễn Đăng Quang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
166	21020593	Trần Anh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
167	21020594	Nguyễn Phan Phú Quốc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
168	21020595	Nguyễn Xuân Tùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
169	21020596	Nguyễn Đức Trí	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
170	21020597	Nguyễn Minh Vũ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
171	21020602	Đào Quý An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
172	21020603	Dương Hoàng Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
173	21020604	Lê Huy Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
174	21020605	Phùng Minh Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
175	21020606	Trần Đức Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
176	21020607	Phạm Hoàng Ân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
177	21020608	Lê Trọng Bảo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
178	21020609	Nguyễn Ngọc Bảo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
179	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
180	21020611	Đỗ Mạnh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
181	21020612	Nguyễn Huy Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
182	21020613	Phạm Đức Dũng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
183	21020614	Phạm Hoàng Dũng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
184	21020615	Vô Tín Dư	Khoa học máy tính	5	17.500.000
185	21020616	Đỗ Ánh Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
186	21020617	Hoàng Quốc Đạt	Hệ thống thông tin	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
187	21020618	Nguyễn Tất Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
188	21020620	Ngô Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
189	21020621	Lê Hoàng Minh Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
190	21020622	Đình Minh Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
191	21020624	Nguyễn Long Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
192	21020626	Nguyễn Minh Hiếu	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
193	21020627	Nguyễn Trung Hiếu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
194	21020628	Doãn Minh Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
195	21020629	Nguyễn Mạnh Hoàng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
196	21020630	Phạm Huy Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
197	21020631	Trần Bá Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
198	21020632	Vũ Việt Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
199	21020633	Nguyễn Quang Huy	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
200	21020635	Phan Việt Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
201	21020636	Đình Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
202	21020637	Hoàng Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
203	21020638	Nguyễn Minh Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
204	21020639	Phùng Chí Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
205	21020640	Đoàn Bùi Nhật Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
206	21020641	Mạc Gia Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
207	21020642	Lê Văn Khoa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
208	21020643	Nguyễn Bảo Lâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
209	21020644	Lê Viết Việt Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
210	21020645	Trịnh Thái Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
211	21020646	Đoàn Ngọc Long	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
212	21020647	Vũ Thành Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
213	21020648	Hoàng Đức Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
214	21020649	Lê Vũ Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
215	21020650	Nguyễn Cao Đức Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
216	21020651	Phạm Nhật Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
217	21020652	Tổng Đức Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
218	21020654	Vô Kim Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
219	21020655	Nguyễn Hữu Nam	Khoa học máy tính	5	17.500.000
220	21020656	Nguyễn Diệu Nhật	Khoa học máy tính	5	17.500.000
221	21020657	Phan Minh Phong	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
222	21020658	Đoàn Vũ Quang Phú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
223	21020659	Trần Quang Phúc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
224	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phương	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
225	21020661	Phạm Minh Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
226	21020662	Lê Bùi Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
227	21020663	Lê Quang Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
228	21020664	Vũ Minh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
229	21020665	Nguyễn Đức Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
230	21020666	Nguyễn Trọng Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
231	21020667	Nguyễn Vũ Minh Thành	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
232	21020668	Nguyễn Hương Thảo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
233	21020669	Đình Bách Thành Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
234	21020670	Lê Đức Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
235	21020671	Trần Lê Thành Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
236	21020672	Trần Hạnh Uyên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
237	21020674	Chu Ngọc Vượng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
238	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
239	21020676	Đỗ Duy Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
240	21020677	Nguyễn Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
241	21020678	Phạm Hải Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
242	21020679	Nguyễn Tùng Bách	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
243	21020680	Nguyễn Mạnh Cường	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
244	21020681	Hồ Thiên Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
245	21020684	Đỗ Minh Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
246	21020685	Nguyễn Đình Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
247	21020686	Lê Tô Hiệu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
248	21020687	Nguyễn Mạnh Hùng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
249	21020688	Đỗ Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
250	21020689	Vũ Hoàng Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
251	21020690	Ngạc Anh Kiệt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
252	21020691	Phạm Lê Kim	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
253	21020692	Nguyễn Thế Khang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
254	21020693	Hoàng Gia Khánh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
255	21020694	Phạm Cảnh Khuê	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
256	21020695	Nguyễn Đình Lâm	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
257	21020697	Nguyễn Công Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
258	21020698	Nguyễn Đức Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
259	21020701	Nguyễn Phong	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
260	21020702	Lê Minh Quân	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
261	21020703	Nguyễn Khánh Sơn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
262	21020704	Nguyễn Phan Nam Sơn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
263	21020705	Vũ Đức Tâm	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
264	21020707	Dương Đình Thắng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
265	21020710	Nguyễn Thành Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
266	21020711	Trương Quang Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
267	21020726	Nguyễn Quốc Cường	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
268	21020727	Nguyễn Mai Chi	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
269	21020728	Hồ Xuân Đạt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
270	21020729	Nguyễn Hải Đăng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
271	21020730	Nguyễn Thùy Linh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
272	21020731	Cao Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
273	21020732	Ngô Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
274	21020733	Nguyễn Siêu Phong	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
275	21020734	Nguyễn Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
276	21020735	Nguyễn Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
277	21020736	Tô Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
278	21020737	Đặng Thị Thu Uyên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
279	21020738	Hoàng Phi Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
280	21021259	Dương Cao Kỳ Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
281	21021260	Dương Thị Vân Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
282	21021261	Hà Duy Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
283	21021262	Nguyễn Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
284	21021263	Nguyễn Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
285	21021264	Nguyễn Hoàng Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
286	21021265	Nguyễn Quang Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
287	21021267	Trần Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
288	21021268	Trịnh Hoàng Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
289	21021269	Vũ Việt Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
290	21021270	Nguyễn Văn Chát	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
291	21021271	Phạm Ngọc Chương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
292	21021272	Nguyễn Hữu Cường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
293	21021273	Đồng Văn Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
294	21021274	Nguyễn Mạnh Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
295	21021275	Yên Thế Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
296	21021276	Bùi Văn Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
297	21021277	Cao Nam Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
298	21021278	Nguyễn Huy Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
299	21021279	Vũ Lê Đăng Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
300	21021280	Lê Chính Đại	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
301	21021281	Nguyễn Việt Đan	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
302	21021282	Đoàn Trần Quang Đạo	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
303	21021283	Chu Tuấn Đạt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
304	21021284	Nguyễn Tiến Đạt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
305	21021285	Phạm Tiến Đạt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
306	21021286	Đặng Xuân Đăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
307	21021287	Nguyễn Bá Phương Đông	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
308	21021288	Bùi Minh Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
309	21021289	Dương Tự Trí Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
310	21021291	Lê Văn Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
311	21021292	Nguyễn Minh Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
312	21021293	Nguyễn Minh Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
313	21021294	Nguyễn Phi Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
314	21021295	Nguyễn Quang Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
315	21021296	Phạm Tuấn Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
316	21021297	Lê Xuân Hải	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
317	21021298	Nguyễn Ngọc Hải	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
318	21021299	Nguyễn Minh Hiền	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
319	21021300	Nguyễn Hoàng Hiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
320	21021301	Hoàng Minh Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
321	21021303	Nghiêm Trung Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
322	21021305	Nguyễn Tiến Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
323	21021306	Phạm Đức Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
324	21021308	Nguyễn Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
325	21021309	Trương Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
326	21021310	Vũ Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
327	21021311	Bùi Tuấn Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
328	21021312	Đặng Văn Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
329	21021313	Nguyễn Công Quốc Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
330	21021314	Nguyễn Quang Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
331	21021315	Nguyễn Văn Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
332	21021316	Phạm Quang Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
333	21021317	Trần Quốc Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
334	21021318	Vũ Đức Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
335	21021319	Vũ Gia Huy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
336	21021320	Đỗ Khánh Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
337	21021321	Nguyễn Tuấn Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
338	21021322	Trần Duy Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
339	21021323	Vũ Duy Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
340	21021324	Vũ Quang Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
341	21021325	Nguyễn Văn Hữu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
342	21021326	Phùng Mạnh Khang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
343	21021327	Nguyễn Hữu Khánh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
344	21021328	Lê Quý Minh Khoa	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
345	21021329	Nguyễn Sỹ Kiên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
346	21021330	Phan Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
347	21021332	Đặng Minh Lân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
348	21021333	Hà Duy Linh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
349	21021334	Đỗ Thị Loan	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
350	21021335	Mẫn Bá Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
351	21021336	Nguyễn Đức Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
352	21021337	Phạm Thành Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
353	21021338	Vũ Hải Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
354	21021339	Đoàn Hữu Mạnh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
355	21021340	Lê Vũ Đức Mạnh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
356	21021341	Bùi Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
357	21021343	Phạm Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
358	21021344	Bùi Phương Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
359	21021345	Lưu Hoài Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
360	21021346	Nguyễn Đình Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
361	21021347	Văn Tiến Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
362	21021348	Lê Quý Như Ngọc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
363	21021349	Trần Minh Nhật	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
364	21021350	Nguyễn Kiều Phong	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
365	21021352	Nguyễn Đức Duy Phương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
366	21021353	Đặng Ngọc Quang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
367	21021354	Hoàng Việt Quang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
368	21021355	Phùng Gia Quang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
369	21021356	Dương Danh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
370	21021357	Nguyễn Cảnh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
371	21021358	Nguyễn Trọng Minh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
372	21021360	Bùi Công Sơn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
373	21021362	Nguyễn Cao Bảo Sơn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
374	21021363	Nguyễn Khánh Sơn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
375	21021364	Trần Công Sơn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
376	21021365	Trần Đức Tài	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
377	21021366	Mai Văn Thái	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
378	21021367	Nguyễn Ngọc Thái	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
379	21021368	Nguyễn Trường Thành	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
380	21021369	Trần Đức Thành	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
381	21021370	Nguyễn Đức Thắng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
382	21021371	Nguyễn Đức Thắng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
383	21021372	Vương Ngọc Thiện	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
384	21021373	Nguyễn Gia Thịnh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
385	21021375	Trà Đức Thịnh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
386	21021376	Hoàng Văn Thuận	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
387	21021377	Nguyễn Phú Trọng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
388	21021378	Trần Nam Trung	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
389	21021379	Mai Văn Trường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
390	21021380	Mai Văn Trường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
391	21021381	Nguyễn Đức Trường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
392	21021382	Trần Tuấn Trường	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
393	21021383	Nguyễn Việt Tú	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
394	21021384	Phạm Quang Tú	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
395	21021385	Đinh Thái Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
396	21021386	Tô Minh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
397	21021387	Lê Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
398	21021388	Ngô Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
399	21021389	Nguyễn Hải Tùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
400	21021390	Nguyễn Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
401	21021391	Phạm Quang Vinh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
402	21021392	Phạm Quang Vinh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
403	21021393	Dương Huy Anh Vũ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
404	21021394	Lê Hội Vượng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
405	21021395	Trần Thị Hoàng Yến	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
406	21021452	Nguyễn Văn An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
407	21021453	Hà Tùng Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
408	21021454	Ngô Quý Bảo	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
409	21021455	Nguyễn Tiến Bắc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
410	21021456	Hồ Thị Thanh Bình	Khoa học máy tính	5	17.500.000
411	21021457	Nguyễn Lê Linh Chi	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
412	21021458	Lê Quang Chính	Khoa học máy tính	5	17.500.000
413	21021459	Đỗ Minh Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
414	21021461	Nguyễn Văn Doanh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
415	21021462	Bùi Anh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
416	21021463	Đỗ Tiến Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
417	21021464	Hồ Xuân Dũng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
418	21021465	Hà Mạnh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
419	21021466	Lương Đình Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
420	21021467	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
421	21021468	Nguyễn Khánh Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
422	21021469	Vũ Hoàng Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
423	21021470	Đồng Văn Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
424	21021471	Nguyễn Đức Dương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
425	21021472	Nguyễn Văn Dương	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
426	21021473	Phạm Tùng Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
427	21021474	Nguyễn Hải Đan	Khoa học máy tính	5	17.500.000
428	21021475	Đỗ Thành Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
429	21021476	Nguyễn Đình Thành Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
430	21021477	Trịnh Xuân Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
431	21021478	Nguyễn Khoa Đăng	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
432	21021479	Vũ Hải Đăng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
433	21021480	Lê Hồng Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
434	21021481	Phan Anh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
435	21021482	Phạm Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
436	21021483	Trần Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
437	21021484	Tạ Hoàng Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
438	21021485	Trương Quỳnh Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
439	21021486	Vũ Trường Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
440	21021487	Nguyễn Văn Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
441	21021488	Nguyễn Vinh Hiền	Khoa học máy tính	5	17.500.000
442	21021489	Cao Chí Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
443	21021490	Cao Trung Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
444	21021491	Ngô Thượng Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
445	21021492	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
446	21021493	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
447	21021494	Trần Minh Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
448	21021496	Đinh Nho Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
449	21021498	Trịnh Xuân Hoàng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
450	21021499	Võ Huy Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
451	21021500	Nguyễn Tiến Huân	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
452	21021501	Nguyễn Văn Huân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
453	21021502	Lê Mạnh Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
454	21021503	Nguyễn Phan Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
455	21021504	Nguyễn Văn Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
456	21021506	Lương Sỹ Khánh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
457	21021507	Nguyễn Thế Khôi	Khoa học máy tính	5	17.500.000
458	21021508	Đinh Quang Khương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
459	21021509	Nguyễn Khắc Kiên	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
460	21021510	Nguyễn Tuấn Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
461	21021511	Phạm Trung Kiên	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
462	21021512	Ngô Danh Lam	Khoa học máy tính	5	17.500.000
463	21021513	Nguyễn Duy Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
464	21021514	Dương Bảo Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
465	21021515	Vũ Hoàng Long	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
466	21021516	Nguyễn Công Mạnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
467	21021517	Hoàng Tuấn Minh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
468	21021518	Nguyễn Công Tuấn Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
469	21021519	Nguyễn Ngọc Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
470	21021520	Trần Đức Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
471	21021521	Vũ Đại Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
472	21021523	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
473	21021524	Hà Quang Nhựt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
474	21021525	Nguyễn Đắc Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
475	21021526	Nguyễn Minh Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
476	21021527	Ngô Trần Anh Phương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
477	21021528	Bùi Minh Quang	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
478	21021529	Hoàng Minh Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
479	21021530	Lê Đức Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
480	21021531	Lê Thế Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
481	21021532	Phạm Minh Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
482	21021533	Hoàng Minh Quân	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
483	21021534	Nguyễn Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
484	21021535	Nguyễn Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
485	21021536	Trần Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
486	21021537	Hà Nguyễn Anh Sơn	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
487	21021538	Nguyễn Anh Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
488	21021539	Nguyễn Phúc Sơn	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
489	21021540	Cao Thị Minh Tâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
490	21021541	Lê Tiến Thành	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
491	21021542	Nguyễn Tiến Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
492	21021543	Nguyễn Việt Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
493	21021544	Hoàng Minh Thắng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
494	21021545	Đỗ Thị Trang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
495	21021546	Nguyễn Đức Trọng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
496	21021547	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
497	21021548	Phạm Đức Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
498	21021549	Hoàng Quốc Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
499	21021550	Trần Đức Việt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
500	21021551	Phạm Đức An	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
501	21021552	Bùi Duy Hoàng Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
502	21021553	Bùi Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
503	21021554	Cần Huy Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
504	21021555	Hoàng Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
505	21021556	Nguyễn Ngọc Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
506	21021557	Nguyễn Phương Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
507	21021558	Nguyễn Thế Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
508	21021559	Phạm Việt Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
509	21021560	Trần Ngọc Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
510	21021561	Lê Đức Au	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
511	21021562	Đỗ Đức Bảo	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
512	21021563	Hà Lê Hoàng Bảo	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
513	21021564	Phạm Duy Chiến	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
514	21021565	Đặng Văn Cường	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
515	21021566	Vương Quốc Cường	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
516	21021567	Nghiêm Quang Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
517	21021568	Nguyễn Tiến Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
518	21021569	Đặng Nguyễn Nguyên Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
519	21021570	Lê Phương Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
520	21021571	Nguyễn Gia Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
521	21021573	Nguyễn Tùng Dương	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
522	21021574	Phạm Tiến Đạt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
523	21021575	Đỗ Trọng Đoàn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
524	21021577	Vũ Trung Đức	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
525	21021578	Hoàng Thanh Hải	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
526	21021579	Phạm Minh Hải	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
527	21021581	Nguyễn Tiến Hiệp	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
528	21021582	Nguyễn Văn Hiệp	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
529	21021583	Tạ Hoàng Hiệp	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
530	21021584	Bùi Minh Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
531	21021585	Đinh Viết Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
532	21021586	Nguyễn Xương Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
533	21021587	Phạm Minh Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
534	21021588	Trần Trung Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
535	21021589	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
536	21021590	Nguyễn Đình Hoàn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
537	21021591	Nguyễn Minh Hoàng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
538	21021592	Trần Minh Hoàng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
539	21021593	Trần Hoàng Huân	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
540	21021594	Đỗ Bình Gia Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
541	21021595	Hoàng Đức Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
542	21021596	Hoàng Quang Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
543	21021598	Nguyễn Hữu Hưng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
544	21021599	Lê Mạnh Kha	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
545	21021600	Lương Quốc Khánh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
546	21021601	Chu Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
547	21021602	Lê Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
548	21021603	Nguyễn Khắc Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
549	21021604	Vũ Đức Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
550	21021607	Cao Việt Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
551	21021608	Nguyễn Đức Thành Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
552	21021609	Trịnh Lê Hoàng Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
553	21021612	Trương Hoàng Mạnh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
554	21021614	La Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
555	21021615	Lê Tấn Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
556	21021616	Trương Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
557	21021617	Vũ Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
558	21021618	Vương Hoàng Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
559	21021619	Vũ Đình Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
560	21021621	Vũ Văn Nghĩa	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
561	21021622	Vũ Phương Nhi	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
562	21021623	Lê Tấn Phát	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
563	21021624	Nguyễn Đức Phú	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
564	21021626	Nguyễn Minh Phúc	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
565	21021627	Hồ Duy Phương	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
566	21021628	Nguyễn Ngọc Quang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
567	21021629	Tổng Nhật Quang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
568	21021630	Nguyễn Anh Quân	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
569	21021631	Bùi Quý Sang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
570	21021632	Trần Thị Ngọc Tâm	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
571	21021634	Phạm Quốc Thái	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
572	21021635	Nguyễn Hữu Thành	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
573	21021637	Phạm Lê Đức Thành	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
574	21021638	Phạm Minh Thắng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
575	21021639	Nguyễn Quang Thịnh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
576	21021640	Nguyễn Thành Trung	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
577	21021642	Nguyễn Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
578	21021643	Nguyễn Bá Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
579	21021644	Nguyễn Quốc Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
580	21021645	Mai Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
581	21021646	Nguyễn Thanh Tùng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
582	21021647	Đào Lê Khang Uyn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
583	21021648	Nguyễn Sĩ Việt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
584	21021649	Dương Nguyễn Gia Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
585	21021650	Nguyễn Đình Quang Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
586	21021651	Nguyễn Tất Anh Vũ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
587	21021653	Vũ Đức Vượng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
588	21021683	Tô Tuấn Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
589	22029039	Nguyễn Đình An	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
590	22029029	Nguyễn Quang An	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
591	22029042	Bùi Duy Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
592	22029084	Nguyễn Nhật Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
593	22029060	Nguyễn Phan Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
594	22029053	Nguyễn Tuấn Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
595	22029057	Nguyễn Việt Anh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
596	22029078	Phạm Huy Bằng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
597	22029047	Nguyễn Thị Mai Chi	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
598	22029105	Nguyễn Văn Chiến	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
599	22029045	Phạm Văn Chiến	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
600	22029076	Đặng Xuân Chung	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
601	22029103	Nguyễn Trọng Diễn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
602	22029041	Lê Trần Anh Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
603	22029011	Nguyễn Thế Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
604	22029106	Nguyễn Trương Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
605	22029068	Nguyễn Việt Dũng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
606	22029066	Khuong Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
607	22029023	Vũ Ngọc Duy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
608	22029092	Nguyễn Ngọc Dương	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
609	22029025	Nguyễn Ngọc Đại	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
610	22029100	Vũ Hải Đăng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
611	22029077	Vũ Hải Đăng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
612	22029003	Nguyễn Minh Đức	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
613	22029085	Phạm Minh Đức	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
614	22029091	Tào Mạnh Đức	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
615	22029034	Trần Trung Đức	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
616	22029090	Nguyễn Xuân Giang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
617	22029083	Đặng Ngọc Giáp	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
618	22029065	Đinh Xuân Hải	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
619	22029016	Đỗ Việt Hải	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
620	22029012	Nguyễn Công Hải	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
621	22029030	Lê Thế Hiền	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
622	22029081	Mai Đức Hiệp	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
623	22029088	Vũ Đức Hiếu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
624	22029079	Đào Thu Hoài	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
625	22029086	Vũ Công Hoan	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
626	22029043	Nguyễn Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
627	22029052	Nguyễn Việt Hoàng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
628	22029040	Dương Thị Huệ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
629	22029098	Đoàn Quốc Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
630	22029049	Lê Quang Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
631	22029027	Nguyễn Công Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
632	22029050	Nguyễn Quốc Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
633	22029087	Trần Quang Huy	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
634	22029021	Hoàng Tuấn Hưng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
635	22029032	Ngô Tuấn Hưng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
636	22029024	Thiều Việt Tuấn Khanh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
637	22029010	Hoàng Đức Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
638	22029093	Phạm Mạnh Kiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
639	22029008	Phùng Tuấn Kiệt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
640	22029097	Đỗ Thành Lập	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
641	22029046	Phùng Thị Linh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
642	22029089	Đỗ Hoàng Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
643	22029069	Lê Duy Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
644	22029056	Ngô Nhật Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
645	22029071	Trần Duy Long	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
646	22029074	Phạm Duy Mạnh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
647	22029096	Phan Như Vũ Marcel	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
648	22029018	Dương Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
649	22029035	Đàm Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
650	22029051	Hoàng Nhật Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
651	22029019	Mai Đức Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
652	22029026	Nguyễn Đức Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
653	22029063	Nguyễn Hoàng Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
654	22029061	Nguyễn Hoàng Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
655	22029072	Nguyễn Hồng Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
656	22029004	Nguyễn Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
657	22029036	Lê Hoài Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
658	22029006	Nguyễn Hữu Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
659	22029002	Trương Văn Nam	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
660	22029009	Lê Tuấn Ngọc	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
661	22029000	Nguyễn Chí Nguyên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
662	22029059	Phạm Khôi Nguyên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
663	22029094	Phạm Yến Nhi	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
664	22029075	Đinh Thái Phong	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
665	22029005	Lê Hồng Phúc	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
666	22029028	Nguyễn Việt Quang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
667	22029033	Dương Kiến Quốc	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
668	22029104	Đặng Tùng Sơn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
669	22029054	Ngô Anh Sơn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
670	22029037	Ngô Quang Tăng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
671	22029001	Nguyễn Quang Thái	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
672	22029102	Đào Đình Thảo	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
673	22029020	Trịnh Thành Thiên	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
674	22029073	Hứa Huyền Thu	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
675	22029038	Ngô Thành Tiến	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
676	22029013	Khuất Nguyễn Diệu Trang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
677	22029048	Nguyễn Thị Trang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
678	22029064	Tạ Thị Huyền Trang	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
679	22029099	Nguyễn Minh Trí	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
680	22029044	Phạm Đan Trường	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
681	22029055	Phạm Anh Tú	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
682	22029022	Lê Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
683	22029082	Lê Quang Tuấn	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
684	22029062	Phùng Quốc Việt	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
685	22029031	Cao Quang Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
686	22029101	Lê Hiền Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
687	22027166	Nguyễn Thành Vinh	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
688	22029058	Chu Tâm Vũ	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
689	22029067	Phạm Đức Vượng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	17.500.000
690	22025529	Nguyễn Viết Thành An	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
691	22025546	Bùi Vũ Hải Anh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
692	22025537	Nguyễn Quang Anh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
693	22025525	Phạm Quang Anh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
694	22025509	Trần Đức Anh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
695	22025539	Phạm Gia Bách	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
696	22025514	Nguyễn Gia Bảo	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
697	22025538	Trần Gia Bảo	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
698	22025517	Nguyễn Minh Châu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
699	22025522	Võ Trọng Dân	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
700	22025501	Đỗ Trí Dũng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
701	22025511	Hoàng Đức Duy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
702	22025540	Phương Danh Duy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
703	22025520	Trần Khánh Duy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
704	22025505	Vũ Khánh Duy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
705	22025518	Phạm Xuân Dương	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
706	22025521	Vũ Khánh Đạt	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
707	22025513	Nguyễn Hoàng Đông	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
708	22025533	Dương Việt Hoàng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
709	22025515	Vũ Tuấn Hùng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
710	22025527	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
711	22025535	Phan Khánh Huyền	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
712	22025531	Vũ Thu Huyền	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
713	22025534	Nguyễn Thanh Hưng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
714	22025516	Đinh Hồng Khanh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
715	22025523	Nguyễn Tuấn Khoa	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
716	22025526	Nguyễn Tấn Khôi	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
717	22025504	Phan Vũ Liêm	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
718	22025512	Phạm Thị Thùy Linh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
719	22025545	Phạm Thị Thùy Linh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
720	22025502	Bùi Thành Lộc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
721	22025510	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
722	22025500	Bùi Tuấn Minh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
723	22025506	Đinh Nhật Minh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
724	22025503	Trương Quang Minh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
725	22025508	Hoàng Minh Nghĩa	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
726	22025519	Trần Đăng Quang	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
727	22025532	Trần Diệu Quỳnh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
728	22025543	Vũ Thị Ngọc Thanh	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
729	22027547	Bùi Tiến Thành	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
730	22025524	Nguyễn Huy Trà	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
731	22025507	Nguyễn Thanh Tùng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	5	17.500.000
732	22028301	Đồng Tự Nguyên A	Khoa học máy tính	5	17.500.000
733	22028210	Trần Thái An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
734	22028248	Khuất Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
735	22028279	Nguyễn Đình Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
736	22028310	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
737	22028257	Nguyễn Xuân Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
738	22028053	Tạ Việt Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
739	22028216	Nguyễn Việt Bách	Khoa học máy tính	5	17.500.000
740	22028147	Nguyễn Hồ Bắc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
741	22028200	Nguyễn Quang Cảnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
742	22028135	Tô Phú Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
743	22028076	Nguyễn Hữu Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
744	22028255	Mai Ngọc Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
745	22028009	Tạ Xuân Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
746	22028273	Trần Đại Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
747	22028133	Dương Công Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
748	22028236	Nguyễn Quốc Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
749	22028317	Trương Sỹ Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
750	22028039	Hoàng Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
751	22028184	Nguyễn Hữu Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
752	22028091	Phạm Ngọc Thạch Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
753	22028247	Trần Long Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
754	22028287	Đinh Tuấn Hiệp	Khoa học máy tính	5	17.500.000
755	22028221	Đào Đình Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
756	22028289	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
757	22028306	Đinh Xuân Hòa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
758	22028006	Lê Việt Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
759	22028266	Tổng Vũ Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
760	22028335	Dương Gia Huân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
761	22028025	Hà Đức Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
762	22028117	Nguyễn Minh Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
763	22028069	Triệu Việt Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
764	22028082	Mai Tiến Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
765	22028119	Nguyễn Thái Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
766	22028049	Trần Ngọc Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
767	22028293	Hoàng Duy Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
768	22028264	Nguyễn Duy Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
769	22028098	Phan Nguyễn An Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
770	22028175	Bùi Quốc Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
771	22028030	Nguyễn Duy Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
772	22028066	Đinh Chí Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
773	22028226	Nguyễn Đàm Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
774	22028220	Vũ Tuấn Kiệt	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
775	22028013	Lê Hoàng Lan	Khoa học máy tính	5	17.500.000
776	22028281	Nguyễn Văn Lân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
777	22028277	Kiều Đức Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
778	22028227	Văn Huy Luân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
779	22028152	Lê Đức Mạnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
780	22028140	Hoàng Anh Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
781	22028008	Nguyễn Huy Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
782	22028177	Nguyễn Hải Nam	Khoa học máy tính	5	17.500.000
783	22028062	Đỗ Khôi Nguyên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
784	22028262	Bùi Minh Nhật	Khoa học máy tính	5	17.500.000
785	22028164	Lâm Nguyễn Duy Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
786	22028309	Vũ Văn Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
787	22028284	Phạm Quang Phúc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
788	22028104	Chu Huy Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
789	22028146	Nguyễn Hữu Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
790	22028315	Đoàn Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
791	22028250	Phan Đức Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
792	22028127	Nguyễn Hoàng Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
793	22028192	Nguyễn Tiến Tạo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
794	22028102	Nguyễn Hữu Tân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
795	22028305	Đoàn Đức Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
796	22028050	Võ Tá Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
797	22028163	Nguyễn Bá Thịnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
798	22028224	Lê Thị Diệu Thúy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
799	22028318	Lê Sĩ Toàn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
800	22028252	Nguyễn Thanh Trà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
801	22028179	Đặng Đào Xuân Trúc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
802	22028174	Nguyễn Tiến Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
803	22028126	Nguyễn Huy Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
804	22028137	Lương Anh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
805	22028123	Trần Anh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
806	22028321	Đỗ Hoàng Việt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
807	22028068	Nguyễn Anh Vũ	Khoa học máy tính	5	17.500.000
808	22028326	Đào Thị Bình An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
809	22028071	Bùi Đức Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
810	22028162	Lê Thị Hải Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
811	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
812	22028303	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
813	22028225	Phạm Mai Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
814	22028228	Trần Duy Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
815	22028212	Nguyễn Văn Bản	Khoa học máy tính	5	17.500.000
816	22028060	Trần Hữu Ánh Bằng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
817	22028046	Hoàng Kim Chi	Khoa học máy tính	5	17.500.000
818	22028015	Cao Đức Chung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
819	22028199	Đỗ Đức Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
820	22028169	Đỗ Đình Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
821	22028125	Nguyễn Minh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
822	22028197	Nguyễn Bá Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
823	22028230	Nguyễn Tuấn Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
824	22028061	Trần Thái Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
825	22028026	Đàm Quang Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
826	22028043	Nguyễn Tiến Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
827	22028111	Hà Tiến Đông	Khoa học máy tính	5	17.500.000
828	22028267	Lê Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
829	22028096	Nhâm Ngọc Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
830	22028261	Vũ Ninh Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
831	22028129	Tăng Vĩnh Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
832	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
833	22028295	Lại Hoàng Hiệp	Khoa học máy tính	5	17.500.000
834	22028029	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
835	22028153	Nguyễn Thức Hoàn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
836	22028042	Ngô Lê Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
837	22028183	Trần Huy Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
838	22028172	Lê Xuân Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
839	22028018	Nguyễn Việt Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
840	22028124	Vũ Việt Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
841	22028319	Nguyễn Chí Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
842	22028143	Nguyễn Thành Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
843	22028094	Trần Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
844	22028115	Hoàng Duy Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
845	22028142	Nguyễn Ngọc Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
846	22028151	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
847	22028022	Hoàng Đăng Khải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
848	22028090	Dương Quốc Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
849	22028196	Nguyễn Đức Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
850	22028211	Đoàn Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
851	22028285	Nguyễn Đức Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
852	22028092	Ngô Tùng Lâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
853	22028202	Lương Thị Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
854	22028276	Nguyễn Bảo Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
855	22028040	Lê Văn Lương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
856	22028195	Trần Thế Mạnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
857	22028051	Hoàng Đức Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
858	22028148	Nguyễn Công Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
859	22028054	Đặng Hoàng Minh Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
860	22028032	Nguyễn Khôi Nguyên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
861	22028272	Nguyễn Nhật Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
862	22028056	Trần Đình Phú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
863	22028217	Hoàng Hữu Phước	Khoa học máy tính	5	17.500.000
864	22028198	Đỗ Minh Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
865	22028019	Hoàng Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
866	22028171	Nguyễn Mạnh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
867	22028161	Nguyễn Duy Anh Quốc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
868	22028253	Vũ Tú Quỳnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
869	22028020	Nguyễn Văn Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
870	22028214	Bùi Thị Huyền Tâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
871	22028160	Nguyễn Sỹ Tân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
872	22028313	Lê Văn Thắng	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
873	22028073	Trần Trọng Thịnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
874	22028302	Trần Thị Thúy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
875	22028254	Nguyễn Thị Thu Trang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
876	22028107	Bồ Quốc Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
877	22028170	Tổng Quang Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
878	22028021	Dương Anh Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
879	22028238	Phan Anh Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
880	22028144	Mai Anh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
881	22028168	Trần Minh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
882	22028014	Trần Hoàng Vũ	Khoa học máy tính	5	17.500.000
883	22028131	Lê Xuân An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
884	22028064	Đặng Quốc Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
885	22028268	Ngô Hải Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
886	22028128	Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
887	22028099	Phạm Vân Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
888	22028145	Bùi Thị Ngọc Ánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
889	22028156	Nguyễn Văn Ngọc Bảo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
890	22028132	Hoàng Linh Chi	Khoa học máy tính	5	17.500.000
891	22028193	Bùi Thế Công	Khoa học máy tính	5	17.500.000
892	22028327	Nguyễn Mạnh Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
893	22028222	Lê Thành Doanh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
894	22028188	Hoàng Văn Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
895	22028229	Nguyễn Quang Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
896	22028215	Nguyễn Đức Duy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
897	22028283	Lê Minh Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
898	22028274	Phan Công Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
899	22028278	Nguyễn Đỗ Quang Đại	Khoa học máy tính	5	17.500.000
900	22028240	Đỗ Tiến Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
901	22028275	Nguyễn Thành Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
902	22028166	Đinh Ngọc Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
903	22028041	Lê Văn Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
904	22028244	Trần Lương Minh Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
905	22028084	Nguyễn Hoàng Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
906	22028282	Nguyễn Thu Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
907	22028057	Lâm Hoàng Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
908	22028101	Lê Thế Hiển	Khoa học máy tính	5	17.500.000
909	22028005	Phạm Hoàng Hiệp	Khoa học máy tính	5	17.500.000
910	22028280	Ngô Duy Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
911	22028186	Đường Minh Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
912	22028087	Nguyễn Trần Công Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
913	22028291	Cao Xuân Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
914	22028027	Tạ Việt Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
915	22028036	Khổng Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
916	22028191	Nguyễn Đức Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
917	22028237	Phạm Hữu Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
918	22028110	Võ Quốc Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
919	22028103	Lê Quang Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
920	22028118	Nguyễn Văn Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
921	22028292	Đào Thị Thu Hương	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
922	22028299	Nguyễn Quang Khải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
923	22028138	Khúc Gia Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
924	22028105	Trần Anh Khoa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
925	22028181	Đỗ Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
926	22028185	Phạm Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
927	22028072	Phạm Đức Lâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
928	22028078	Nguyễn Ngọc Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
929	22028141	Trần Thị Hoa Mai	Khoa học máy tính	5	17.500.000
930	22028095	Bùi Quang Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
931	22028048	Lê Hoàng Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
932	22028239	Phạm Công Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
933	22028232	Nguyễn Chí Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
934	22028114	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
935	22028108	Nguyễn Thành Phát	Khoa học máy tính	5	17.500.000
936	22028231	Nguyễn Viết Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
937	22028086	Đinh Hồng Phúc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
938	22028024	Trương Minh Phước	Khoa học máy tính	5	17.500.000
939	22028260	Kiều Minh Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
940	22028134	Nguyễn Phạm Việt Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
941	22028300	Hoàng Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
942	22028130	Nguyễn Hoàng Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
943	22028290	Nguyễn Minh Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
944	22028190	Lê Minh Quý	Khoa học máy tính	5	17.500.000
945	22028201	Trương Thị Xuân Sang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
946	22028296	Phạm Quý Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
947	22028322	Lê Thị Minh Tâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
948	22028219	Nhữ Trọng Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
949	22028155	Nguyễn Hữu Thế	Khoa học máy tính	5	17.500.000
950	22028194	Nguyễn Văn Thuận	Khoa học máy tính	5	17.500.000
951	22028116	Vũ Thị Minh Thư	Khoa học máy tính	5	17.500.000
952	22028180	Nguyễn Hữu Tiến	Khoa học máy tính	5	17.500.000
953	22028080	Vương Thị Thu Trang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
954	22028075	Nguyễn Chí Trung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
955	22028035	Hoàng Xuân Trường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
956	22028120	Đinh Công Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
957	22028256	Tô Phan Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
958	22028149	Nguyễn Đăng Việt Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
959	22028234	Bùi Quang Tùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
960	22028314	Trương Minh Việt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
961	22028242	Tạ Hải An	Khoa học máy tính	5	17.500.000
962	22028243	Hoàng Duy Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
963	22028136	Nguyễn Đình Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
964	22028332	Nguyễn Phương Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
965	22028330	Nguyễn Trần Tuấn Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
966	22028063	Phùng Đức Anh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
967	22028329	Vương Nguyệt Bình	Khoa học máy tính	5	17.500.000
968	22028083	Lê Quyết Chiến	Khoa học máy tính	5	17.500.000
969	22028258	Đàm Việt Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
970	22028173	Nguyễn Tự Cường	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
971	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Khoa học máy tính	5	17.500.000
972	22028204	Lê Anh Dũng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
973	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
974	22028334	Trần Ánh Dương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
975	22028113	Nguyễn Thành Đạo	Khoa học máy tính	5	17.500.000
976	22028189	Lê Thành Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
977	22028218	Phạm Tuấn Đạt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
978	22028139	Hà Văn Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
979	22028100	Nguyễn Duy Đức	Khoa học máy tính	5	17.500.000
980	22028034	Hà Trường Giang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
981	22028325	Nguyễn Trần Phương Hà	Khoa học máy tính	5	17.500.000
982	22028265	Nguyễn Quốc Hải	Khoa học máy tính	5	17.500.000
983	22028178	Nguyễn Đức Hiền	Khoa học máy tính	5	17.500.000
984	22028206	Trần Văn Hiệp	Khoa học máy tính	5	17.500.000
985	22028154	Võ Lê Hiếu	Khoa học máy tính	5	17.500.000
986	22028150	Lê Bá Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
987	22028122	Nguyễn Viết Hoàng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
988	22028033	Đào Huy Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
989	22028246	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
990	22028223	Mai Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
991	22028077	Nguyễn Quang Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
992	22028271	Phạm Xuân Huy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
993	22028121	Đồng Quang Duy Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
994	22028288	Lưu Khải Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
995	22028331	Nguyễn Việt Hưng	Khoa học máy tính	5	17.500.000
996	22028052	Nguyễn Công Khanh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
997	22028311	Lê Xuân Nam Khánh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
998	22028067	Kiều Minh Khuê	Khoa học máy tính	5	17.500.000
999	22028065	Cao Chí Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1000	22028012	Đỗ Trung Kiên	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1001	22028058	Dương Tuấn Kiệt	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1002	22028235	Vũ Tùng Lâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1003	22028269	Phạm Ngọc Linh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1004	22028251	Nguyễn Thành Long	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1005	22028158	Hồ Văn Tiến Mạnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1006	22028038	Đỗ Quang Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1007	22028089	Lê Thế Phương Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1008	22028294	Nguyễn Hùng Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1009	22028187	Trần Bình Minh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1010	22028320	Nguyễn Đình Nghĩa	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1011	22028249	Nguyễn Văn Nhất	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1012	22028167	Hoàng Văn Phi	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1013	22028081	Trần Tuấn Phong	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1014	22028059	Hoàng Minh Phúc	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1015	22028286	Nguyễn Hữu Phương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1016	22028263	Nguyễn Hồng Quang	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1017	22028016	Bùi Hồng Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1018	22028316	Nguyễn Đức Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1019	22028070	Nguyễn Tiến Quân	Khoa học máy tính	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
1020	22028241	Nguyễn Mạnh Quỳnh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1021	22028213	Đỗ Thái Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1022	22028245	Trần Văn Sơn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1023	22028207	Trần Đức Tâm	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1024	22028205	Phạm Tất Thành	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1025	22028182	Nguyễn Văn Thiện	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1026	22028297	Trần Thu Thủy	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1027	22028323	Nguyễn Thị Huyền Thương	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1028	22028208	Phạm Văn Toàn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1029	22028165	Lê Đắc Minh Trí	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1030	22028031	Quản Xuân Trường	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1031	22028159	Nguyễn Đình Tú	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1032	22028028	Khổng Mạnh Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1033	22028209	Nguyễn Quang Tuấn	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1034	22028157	Nguyễn Đặng Thành Vinh	Khoa học máy tính	5	17.500.000
1035	22024545	Hoàng Bảo An	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1036	22024501	Nguyễn Khắc An	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1037	22024530	Đỗ Trần Văn Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1038	22024564	Lê Quốc Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1039	22024512	Nguyễn Duy Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1040	22024542	Nguyễn Duy Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1041	22024508	Trần Vỹ Anh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1042	22024524	Ngô Ngọc Ánh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1043	22024506	Lê Xuân Bách	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1044	22024525	Phạm Thị Tùng Chi	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1045	22024580	Thái Thị Diệp	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1046	22024554	Nguyễn Tuấn Dũng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1047	22024514	Mạc Minh Duy	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1048	22024578	Nguyễn Thế Duy	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1049	22024562	Phạm Thế Duyệt	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1050	22024533	Nguyễn Quý Dương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1051	22024518	Nguyễn Tuấn Đạt	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1052	22024529	Phan Tiến Đạt	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1053	22024536	Nguyễn Anh Đức	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1054	22024561	Phạm Văn Đức	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1055	22024572	Phạm Hương Giang	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1056	22024571	Nguyễn Thị Thu Hà	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1057	22024576	Đào Nguyên Hải	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1058	22024532	Nguyễn Đăng Hải	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1059	22024534	Nguyễn Tiến Việt Hải	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1060	22024535	Đoàn Ngọc Hiếu	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1061	22024517	Hoàng Thu Hiếu	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1062	22024502	Hồ Trung Hiếu	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1063	22024577	Hoàng Đình Hoàn	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1064	22024566	Phan Đức Hùng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1065	22024528	Nguyễn Đức Huy	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1066	22024579	Nguyễn Vũ Khánh Huy	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1067	22024519	Nguyễn Tuấn Hưng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1068	22024549	Nguyễn Thị Hương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
1069	22024521	Lưu Quang Khải	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1070	22024565	Lê Văn Hoàng Khang	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1071	22024511	Trần Minh Khanh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1072	22024558	Lương Gia Khánh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1073	22024574	Nguyễn Văn Kiên	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1074	22024546	Lê Tuấn Kiệt	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1075	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1076	22024513	Lưu Quý Lân	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1077	22024567	Hoàng Linh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1078	22024559	Lê Hoàng Linh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1079	22024505	Nguyễn Hà Linh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1080	22024552	Hà Đăng Long	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1081	22024556	Hoàng Bảo Long	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1082	22024539	Vũ Hải Long	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1083	22024551	Hoàng Văn Lộc	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1084	22024522	Trần Hoàng Lương	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1085	22024515	Hồ Nguyên Lượng	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1086	22024504	Nguyễn Đức Mạnh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1087	22024538	Trần Hữu Mạnh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1088	22024540	Nguyễn Đức Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1089	22024547	Nguyễn Quang Minh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1090	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1091	22024503	Phùng Khôi Nguyên	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1092	22024573	Nguyễn Yên Nhi	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1093	22024569	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1094	22024568	Nguyễn Đăng Nam Phong	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1095	22024555	Nguyễn Hoàng Phúc	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1096	22024510	Lê Ngọc Quang	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1097	22024531	Phạm Tiến Sơn	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1098	22024500	Lê Minh Tâm	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1099	22024541	Đỗ Tuấn Thành	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1100	22024544	Lê Đắc Thịnh	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1101	22024570	Hồ Anh Thơ	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1102	22024526	Ngô Mạnh Tiến	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1103	22024575	Đặng Sỹ Toàn	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1104	22024548	Phạm Thu Trang	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1105	22024520	Lê Hồng Triệu	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1106	22024560	Đỗ Quang Trung	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1107	22024527	Nguyễn Tiến Trung	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1108	22024523	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Hệ thống thông tin	5	17.500.000
1109	22026183	Hà Tuấn Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1110	22026178	Lê Đức Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1111	22026102	Nguyễn Huy Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1112	22026166	Nguyễn Quốc Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1113	22026168	Ong Thế Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1114	22026131	Trần Tùng Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1115	22026167	Trịnh Hoàng Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1116	22026192	Trần Lê Bắc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1117	22026144	Vũ Tiến Bình	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
1118	22026148	Nguyễn Phúc Bảo Chấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1119	22026134	Trần Xuân Chính	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1120	22026186	Nguyễn Quý Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1121	22026135	Nguyễn Tiến Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1122	22026196	Nguyễn Văn Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1123	22026190	Nguyễn Xuân Dũng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1124	22026132	Hoàng Bá Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1125	22026200	Lê Khánh Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1126	22026160	Nguyễn Đức Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1127	22026133	Nguyễn Khánh Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1128	22026136	Phạm Khắc Khương Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1129	22026152	Phan Quý Duy	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1130	22026100	Bùi Văn Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1131	22026164	Đinh Nhật Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1132	22026203	Nguyễn Văn Dương	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1133	22026189	Trần Tiến Đạt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1134	22026195	Mai Hải Đăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1135	22026129	Nguyễn Mạnh Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1136	22026127	Nguyễn Quang Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1137	22026184	Nguyễn Xuân Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1138	22026156	Phạm Anh Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1139	22026188	Trần Vũ Đức	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1140	22026194	Nguyễn Trường Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1141	22026138	Trần Văn Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1142	22026174	Trịnh Nguyên Giáp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1143	22026118	Hà Ngọc Hải	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1144	22026170	Nguyễn Trọng Hiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1145	22026106	Nguyễn Văn Hiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1146	22026139	Đinh Công Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1147	22026121	Trần Văn Hiếu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1148	22026130	Nguyễn Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1149	22026108	Nguyễn Huy Hoàng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1150	22026204	Phạm Trọng Hùng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1151	22026142	Phạm Văn Huynh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1152	22026182	Bùi Văn Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1153	22026145	Đào Duy Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1154	22026149	Đoàn Gia Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1155	22026172	Phạm Việt Hưng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1156	22026169	Đặng Đình Khánh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1157	22026154	Nguyễn Quang Khánh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1158	22026173	Nguyễn Hữu Khoa	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1159	22026158	Nguyễn Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1160	22026165	Phạm Trung Kiên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1161	22026104	Nguyễn Tuấn Kiệt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1162	22026199	Lê Ngọc Linh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1163	22026124	Nguyễn Văn Linh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1164	22026112	Lê Xuân Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1165	22026103	Phạm Tiến Mạnh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1166	22026116	Lê Thị Trà Mi	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Số tháng HP	Số tiền HP (Đ)
1167	22026115	Bùi Tuấn Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1168	22026161	Lê Công Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1169	22026107	Nguyễn Đức Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1170	22026128	Nguyễn Hải Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1171	22026110	Trần Bình Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1172	22026162	Trần Quang Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1173	22026151	Nguyễn Bảo Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1174	22026109	Nguyễn Hoài Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1175	22026175	Nguyễn Phú Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1176	22026143	Trần Hoài Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1177	22026177	Trần Hoàng Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1178	22026171	Dương Công Nguyên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1179	22026140	Nguyễn Trung Nguyên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1180	22026205	Vũ Khôi Nguyên	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1181	22026198	Phạm Văn Nhật	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1182	22026117	Bùi Đức Phú	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1183	22026141	Trần Hoàng Phúc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1184	22026126	Vũ Hồng Phúc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1185	22026155	Ngô Thế Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1186	22026147	Phạm Minh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1187	22026176	Trần Anh Quân	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1188	22026159	Hoàng Anh Quốc	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1189	22026150	Nguyễn Anh Quyền	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1190	22026157	Nguyễn Khả Anh Sơn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1191	22026179	Bạch Ngọc Tấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1192	22026180	Đỗ Văn Thanh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1193	22026125	Lại Đình Tuấn Thành	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1194	22026120	Ngô Đức Thành	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1195	22026163	Nguyễn Văn Thành	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1196	22026137	Vũ Mạnh Thắng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1197	22026202	Đỗ Thùy Trang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1198	22026119	Lê Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1199	22026105	Lê Minh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1200	22026113	Nguyễn Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1201	22026146	Phạm Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1202	22026111	Trần Minh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1203	22026197	Võ Hoàng Anh Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1204	22026193	Vũ Mai Tuấn	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1205	22026122	Phan Quốc Việt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1206	22026187	Trần Sĩ Việt	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1207	22026181	Nguyễn Đình Vinh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000
1208	22026191	Lê Văn Võ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	17.500.000